

Số: /BC-UBND Thành phố Lai Châu, ngày tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2021;
Đề xuất xây dựng Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Công văn số 55/SNN-VPĐP ngày 10/01/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lai Châu về việc phối hợp xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. UBND thành phố Lai Châu báo cáo một số nội dung như sau:

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NTM TRONG THỜI GIAN QUA

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NTM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng chính phủ V/v phê duyệt chương trình MTQG xây dựng NTM và văn bản chỉ đạo của Tỉnh, thành phố Lai Châu đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/ThU ngày 21/10/2015 của BCH Đảng bộ thành phố Lai Châu về Nâng cao chất lượng xây dựng NTM xã Nậm Loỏng đến năm 2020; Căn cứ nội dung Nghị quyết, hàng năm UBND thành phố đã ban hành kế hoạch, đồng thời chỉ đạo hai xã San Thàng và Nậm Loỏng xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

Thành lập, kiện toàn BCD thực hiện các Chương trình MTQG, ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách theo lĩnh vực; thành lập, kiện toàn Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo. Chỉ đạo các xã kiện toàn BCD cấp xã và Ban phát triển các bản. Đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai khảo sát, đánh giá thực trạng, quy hoạch và lập Đề án XDNTM trên địa bàn thành phố; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc UBND 2 xã đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM đặc biệt là QHC, lập Đề án xây dựng nông thôn mới, quy hoạch chi tiết khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa xây dựng NTM xã San Thàng; Chỉ đạo niêm yết công khai QHC, đề án xây dựng NTM của 2 xã đến từng bản để nhân dân biết, tuân thủ và tổ chức thực hiện các nội dung theo quy hoạch.

Trên cơ sở thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và điều kiện thực tế tại thành phố. Thành ủy, HĐND, UBND và Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG thành phố đã cụ thể hóa bằng các Nghị quyết chuyên đề, Chương trình hành động, Quyết định, Kế hoạch và các văn bản

hướng dẫn Ban Chỉ đạo các xã thực hiện công tác tuyên truyền, lập kế hoạch...thuộc Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn.

Trong giai đoạn 2016-2021 đã ban hành 58 văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (trong đó: 02 Nghị quyết; 16 Quyết định; 32 công văn; 08 kế hoạch).

Ngoài ra để kịp thời phát hiện, khắc phục những khó khăn, tồn tại của các xã Ban Chỉ đạo đã tăng cường công tác thực hiện quy chế hoạt động của BCD thành phố, đồng thời ban hành các văn bản thành lập các đoàn, tổ xuống các xã hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra công tác triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Thường xuyên kiện toàn hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình theo đúng quy định:

* *Cấp thành phố*: UBND thành phố thành lập BCD thực hiện Chương trình NTM gồm 22 thành viên, Trưởng ban chỉ đạo là đồng chí Chủ tịch UBND thành phố, Phó chủ tịch UBND phụ trách kinh tế làm phó ban thường trực, thành viên Ban chỉ đạo là các phòng, ban của thành phố và đại diện UBMTTQ VN và các đoàn thể thành phố. Ban chỉ đạo thành phố đã ban hành quy chế hoạt động và phân công thành viên phụ trách các xã, các lĩnh vực cũng như các tiêu chí mà ngành mình phụ trách. Kiện toàn, thành lập Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo thành phố, Tổ trưởng do đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố phụ trách khối kinh tế, Tổ phó do đồng chí Trưởng phòng Kinh tế và các thành viên là chuyên viên của các phòng, ban thành phố.

* *Cấp xã, bản*: Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban, Phó bí thư - Chủ tịch UBND xã làm Phó Trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo là các ban ngành cấp xã, thành lập Ban quản lý do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Tại bản thành lập Ban phát triển thôn, bản. Bố trí 01 công chức cấp xã theo dõi, thực hiện chương trình NTM trên địa bàn theo chế độ kiêm nhiệm, qua đánh giá công chức cấp xã đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm, giai đoạn thực hiện và tham mưu, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú: tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, quán triệt, học tập đầy đủ nội dung các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong toàn thành phố.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong toàn thành phố tuyên truyền lồng ghép nội dung xây dựng NTM trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, đơn vị; các cơ quan chuyên môn phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các BCD, tổ công tác, chi, đảng bộ giúp bản đặc biệt khó khăn

để tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Giai đoạn 2016 - 2021 toàn thành phố tổ chức 353 hội nghị (lồng ghép) với 12.9451 lượt người, trong đó có 13 hội nghị cấp thành phố (lồng ghép vào Hội nghị báo cáo viên) và 340 hội nghị cấp cơ sở, cụ thể: tuyên truyền cho 13.180/13.338 lượt đảng viên, công chức, viên chức và tuyên truyền cho 115.985/116.271 lượt đoàn viên, hội viên và Nhân dân các dân tộc.

Ngoài ra thành phố còn tuyên truyền trên 100 băng zôn, khẩu hiệu; 50 lượt xe thông tin lưu động, 50 pano; thông qua các buổi văn nghệ, tuyên truyền cơ sở; trên 100 tin, bài thời lượng phát sóng trên Đài Truyền thanh thành phố; trên 330 lượt trên loa truyền thanh không dây các xã, phường...

Qua đó, nhận thức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về xây dựng nông thôn mới đã có sự thay đổi rõ nét; vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới đã từng bước được xác định rõ ràng; đã khuyến khích, động viên được người dân tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới. Công tác đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới được tổ chức kịp thời, đúng đối tượng, nội dung, thời lượng và phương pháp truyền đạt phù hợp cho từng đối tượng.

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất được triển khai kịp thời, sâu rộng qua các đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể; các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả được chú ý nhân rộng. Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ, tạo ra sức lan tỏa lớn và thực sự mang lại hiệu quả thiết thực đối với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Công tác phối hợp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giữa UBND thành phố với UBMTTQ và các đoàn thể tiếp tục được duy trì, phát huy. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân cùng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới thông qua các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tiếp tục được triển khai thực hiện.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chương trình

Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy Đảng, chính quyền về triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm thực hiện. Từ năm 2016 đến nay đã có 8 cuộc kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, trong đó cấp tỉnh (HĐND tỉnh, Sở NN&PTNT, VP ĐPNNTM tỉnh,...) kiểm tra, giám sát 3 lần; cấp thành phố kiểm tra, giám sát 5 lần tại 02 xã thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực

hiện tại cơ sở; định hướng cho các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM trên địa bàn xã.

Ngoài ra còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng từ cộng đồng người dân trong tổ chức thực hiện Chương trình. Nêu cao, khuyến khích vai trò của người dân trong tham gia giám sát thực hiện công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng nội dung, dự án thành phần của Chương trình từ khâu lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện kế hoạch, nghiệm thu kết quả thực hiện, sử dụng kết quả thực hiện được Nhân dân đồng tình ủng hộ, góp sức, của cải, đất trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Để thực hiện công tác quy hoạch xây dựng NTM trên địa bàn 02 xã; Thành phố đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành vào cuộc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thay đổi nhận thức và huy động sự vào cuộc của Nhân dân trong việc thực hiện Chương trình xây dựng NTM; chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn hướng dẫn 02 xã thực hiện công tác lập quy hoạch, đề án, trong quá trình lập quy hoạch, đề án người dân được tham gia ngay từ đầu; cán bộ xã, bản chủ động phối hợp với đơn vị tư vấn. Toàn bộ 02 xã trên địa bàn thành phố đã hoàn thành lập quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới được UBND thành phố phê duyệt.

Việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch: UBND thành phố đã chỉ đạo UBND 02 xã tiến hành rà soát thực trạng quy hoạch nông thôn mới trên cơ sở bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh và hướng dẫn của các Sở ngành chuyên môn, phát hiện những bất cập từ đó điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới cho phù hợp với điều kiện thực tế; đối với xã Sùng Phài sau khi sát nhập, UBND xã đã phối hợp với đơn vị tư vấn đo đạc lập hồ sơ đo đạc, dự trù kinh phí, triển khai lấy ý kiến tham gia vào dự thảo nhiệm vụ và dự toán đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Sùng Phài – Thành phố Lai Châu – Tỉnh Lai Châu. Quy hoạch được UBND thành phố Lai Châu công nhận lại theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Sùng Phài - Thành phố Lai Châu - Tỉnh Lai Châu.

Việc ban hành quy định quản lý quy hoạch: Sau khi điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng NTM, UBND thành phố đã ban hành Quyết định quản lý quy hoạch và giao cho UBND 2 xã phối hợp cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

Hiện có 2/2 xã đạt tiêu chí.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Giao thông nông thôn (Tiêu chí số 2): Đầu tư nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông trục bản, nội bản; các khu sản xuất nội đồng... Xây dựng quy chế quản lý, khai thác và bảo vệ đường giao thông nông thôn để quản lý và sử dụng có hiệu quả.

2.1.1 Xã Sùng Phài

Hoàn thiện 2 tuyến đường trụ bản Sùng Phài và tuyến đường liên bản Sùng Phài – Cấn Câu với chiều dài 1,5 km nâng tỷ lệ đường trục bản được cứng hóa lên 23,4/29,25 km đạt 80%. Triển khai công tuyến đường nội đồng Tả Chải với chiều dài 1.270m và đường nội đồng Tôm Pênh, đường nội đồng Trung Chải với tổng chiều dài 850m. Đường Trục bản Suối Thầu A, Suối Thầu B dài 1.010m. Làm mới 12 tuyến đường giao thông nông thôn với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Các tuyến đường, trục đường giao thông của xã đang được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên.

Đến thời điểm hiện tại tại đường trục xã cấp A đến nay đạt 48,8/48,8 km đạt 100%. Đường trục bản được cứng hóa đạt 23,4/29,25 km đạt 80%. Đường ngõ, bản sạch và không lầy lội vào mùa mưa, trong đó cứng hóa đến nay đạt 7,96/8,73 km đạt 91,2%. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa quanh năm đạt 8/10,5 km đạt 76,2%.

2.1.2 Xã San Thàng

Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường thành phố được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại quanh năm. Xã hiện có 19,5/19,5 km đường liên xã được nhựa, bê tông hóa đạt 100%.

Đường trục bản và đường liên bản, được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm có 14,65/14/14 km được bê tông nhựa hóa đạt 96,52%.

Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa là 12/13,44 km đạt 89,3%. Toàn xã có 26,6 km đường nội đồng vùng sản xuất, trong đó có 14,22 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt 53,5%. Từ năm 2014 đến nay đã nâng cấp đổ bê tông 4km đường giao thông nội đồng, mở mới trên 16km đường giao thông nội đồng vùng sản xuất.

Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước 2 bên đường đạt $\geq 60\%$.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 2 về giao thông nông thôn: 2/2 xã.

2.2. Thủy lợi (Tiêu chí số 3): Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã thường xuyên kiểm tra các tuyến kênh mương đảm bảo đủ nước tưới tiêu cho cây trồng. Thường xuyên kiểm tra, quản lý và bảo vệ nhằm nâng cao hiệu quả các công trình đã được đầu tư xây dựng.

2.2.1 Xã Sùng Phài

Năm 2021 đầu tư mới 3 công trình thủy lợi kênh Cư Nhà La đến ngã 3 nông trường dài 1,2km. Kênh Cư Nhà La với 3 tuyến với tổng chiều 2,14km. Kênh Suối Thầu 1,2 với 3 tuyến dài 2,3km.

Đến thời điểm hiện tại tổng diện tích đã tưới tiêu là 1316,6/1403,6 ha đạt 93,8%. Các tuyến kênh mương được kiên cố hóa là 10,9/ 25.9km đạt 42,08%, mương đất là 15km.

2.2.2 Xã San Thành

Toàn xã hiện có 24 tuyến với 27,5 km kênh mương thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho lúa, cây màu và thủy sản. Đã thực hiện nâng cấp và kiên cố hóa 4,06 km nâng tổng số km kênh mương thủy lợi được kiên cố hóa lên 81,4%. Nâng tỷ lệ nước tưới chủ động lên trên 84,76%.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 3 về thủy lợi: 2/2 xã.

2.3. Hạ tầng lưới điện nông thôn (tiêu chí số 4)

2.3.1 Xã Sùng Phài

Tổng số hộ gia đình sử dụng điện lưới quốc gia trên địa bàn xã là 987/987 hộ đạt 100%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn là 943/987 hộ đạt 95,54%. Còn 44 hộ vẫn sử dụng cột tre, gỗ, bê tông dẫn điện vào nhà gây mất an toàn nằm rải rác tại các bản trên địa bàn xã.

Hệ thống điện nông thôn vẫn tiếp tục được nâng cấp đảm bảo nguồn điện sinh hoạt cho người dân. Đã xây dựng thêm 2 trạm biến áp tại bản Trung Chải và Cư Nhà La. Xây dựng mới 1178m đường dây 0,4kv và 693m đường dây 35kv tại bản Cư Nhà La; Xây dựng 642m đường dây 0,4kv và 416m đường dây 35kv tại bản Trung Chải đã đưa vào sử dụng.

2.3.2 Xã San Thành

Đến thời điểm hiện tại toàn xã có 8 trạm biến áp với tổng công suất 1300KVA đang hoạt động tốt. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên đạt 100%, hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn là 98,8%. 9/9 thôn bản triển khai làm hệ thống điện chiếu sáng trong khu dân cư. Đến nay cơ bản các tuyến đường trục xã, trục thôn đã có hệ thống điện chiếu sáng.

Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về hạ tầng lưới điện nông thôn: 2/2 xã.

2.4. Trường học (Tiêu chí số 5)

2.4.1 Xã Sùng Phài

Trên địa bàn xã có 03/05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (trường Mầm non Nậm Loỏng; Trường Tiểu học – THCS Nậm Loỏng; trường Tiểu học Sùng Phài). Hiện nay còn 02 trường THCS Sùng Phài và trường Mầm non Sùng Phài chưa đạt. Tuy nhiên, đến nay trường Tiểu học và THCS Sùng Phài đã được phê duyệt chủ trương đầu tư giai đoạn 2022 – 2025.

2.4.2 Xã San Thành

Đến nay cả 3 trường học trên địa bàn xã đã đạt chuẩn quốc gia. Trong đó trường mầm non San Thành đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 đạt 100%

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia 100%.

Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 5 về trường học: 2/2 xã.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 6)

Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây mới các công trình nhà văn hóa thôn bản, nhà văn hóa xã

2.5.1 Xã Sùng Phài

Trên địa bàn xã có 01 nhà văn hóa đa năng, hội trường và sân thể thao phục vụ sinh hoạt, văn hóa, thể thao của xã theo yêu cầu, duy trì các điểm vui chơi, giải trí cho Nhân dân. Nhà văn hóa đa năng cấp xã là nơi sinh hoạt chung cho mọi người dân đến tham gia (kể cả trẻ em và người cao tuổi). Đến nay xã có 10/13 bản có nhà văn hóa đạt 76,9% đã góp phần đáp ứng nhu cầu nơi sinh hoạt hội họp của Nhân dân. Hiện tại còn bản Sin Chải, bản Trung Chải, bản Cư Nhà La chưa có nhà văn hóa. Tuy nhiên, để có nơi tổ chức sinh hoạt chung cho cộng đồng các bản, UBND thành phố đã chỉ đạo UBND xã đã bố trí địa điểm cho các bản.

2.5.2 Xã San Thành

Nhà Văn hóa và khu thể thao xã hiện nay đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Khu thể thao (sân bóng mini cỏ tự nhiên) thuộc khuôn viên nhà văn hóa. Sân vận động xã diện tích 1.300m², có mặt sân phẳng, khô, thoáng, có hàng rào bảo vệ, cây xanh. Sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân bóng bàn được bố trí tại khuôn viên trụ sở UBND xã và nhà văn hóa xã.

Điểm vui chơi giải trí, thể thao của trẻ em và người cao tuổi được quy hoạch tại khuôn viên trụ sở UBND xã, có hệ thống cây cảnh, sân bóng chuyền phục vụ người già và trẻ em.

8/9 bản có nhà văn hóa, 9/9 bản có cơ sở giao lưu văn hóa cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn xã, đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương; đáp ứng được nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Các câu lạc bộ văn nghệ, thể thao từ xã đến bản cơ bản hoạt động có hiệu quả...

Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa: 2/2 xã.

2.6 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)

2.6.1 Xã Sùng Phài

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn xã không cần thiết phải xây chợ Do đó, theo Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của

UBND thành phố đã quy hoạch không xây dựng chợ mới mà sử dụng chung chợ Nậm Loỏng của phường Quyết Thắng, đảm bảo nhu cầu buôn bán, trao đổi hàng hóa của Nhân dân.

2.6.2 Xã San Thành

Xã có chợ San Thành nằm trong quy hoạch của tỉnh, hoạt động theo hình thức chợ phiên, họp chợ vào hai ngày thứ 5 và chủ nhật hàng tuần, chợ đêm họp vào thứ 7 hàng tuần. Chợ đã được đầu tư nâng cấp mở rộng diện tích (năm 2017-2018 đã thực hiện nâng cấp, mở rộng thêm 0,7ha) nâng tổng diện tích chợ lên 1,3ha. Cơ sở hạ tầng của chợ đã đảm bảo quy định về việc vệ sinh thu gom rác thải, có hệ thống điện nước công trình vệ sinh, hàng rào, mua sắm lắp đặt trang thiết bị phòng cháy chữa cháy....so với năm 2014 chợ đã được đầu tư mở rộng.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: 2/2 xã.

2.7. Thông tin, truyền thông (Tiêu chí số 8)

2.7.1 Xã Sùng Phài

Xã có điểm bưu chính đặt tại bản Sùng Chô, đáp ứng nhu cầu gửi thư, bưu phẩm, hàng hóa của Nhân dân.

Tất cả có 13/13 bản trên địa bàn xã đã được phủ sóng và có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ thông tin di động và dịch vụ truy cập internet của Nhân dân trên địa bàn xã.

Xã có hệ thống đài truyền thanh do xã trực tiếp quản lý nhân sự và máy móc thiết bị. Thời điểm sáp nhập, xã có 6/13 bản có hệ thống loa truyền thanh không dây. Trong năm 2021 đã phối hợp với Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh thành phố lắp đặt hệ thống loa truyền thanh không dây đến 7 bản, tỷ lệ bản có hệ thống loa truyền thanh không dây là 13/13 bản.

Xã có sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động; cung cấp dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ đẩy mạnh cải cách hành chính công khai, minh bạch. 100% cán bộ, công chức xã sử dụng máy tính trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Đảng ủy, HĐND, UBND xã thực hiện việc nhận, gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet.

2.7.2 Xã San Thành

Xã có điểm bưu điện văn hóa xã hoạt động tốt, đáp ứng được yêu cầu của địa phương, vận hành hệ thống máy tính phục vụ truy cập Internet phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống và để trao đổi truy cập thông tin.

9/9 bản có hệ thống loa truyền thanh hoạt động tốt đảm bảo 98% lượng thông tin đến hộ gia đình.

95,4% cán bộ, công chức được tập huấn sử dụng phần mềm quản lý, điều hành mạng cho cán bộ, công chức. 100% công chức xã có máy tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 và thông tin, truyền thông: 2/2 xã.

2.8. Nhà ở dân cư (Tiêu chí số 9)

2.8.1 Xã Sùng Phài

Sau khi sát nhập xã Sùng Phài và Nậm Loỏng trên địa bàn xã có 18 nhà dột nát, đến thời điểm hiện tại đã xóa được 18 nhà dột nát nhờ huy động nguồn vốn xã hội hóa; tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn theo quy định là 876/987 hộ, chiếm 88,75%.

2.8.2 Xã San Thàng

Hiện nay trong toàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát. Trong thời gian qua UBND thành phố đã chỉ đạo cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng mới, sửa chữa, chỉnh trang nhà cửa, sân vườn khuôn viên các hộ gia đình. Toàn xã có 1.308 nóc nhà, trong đó nhà đạt tiêu chuẩn của bộ Xây dựng 1.308 nóc nhà (đạt 100%).

Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư: 2/2 xã.

2.9 Thu nhập (Tiêu chí số 10)

2.9.1 Xã Sùng Phài

Thu nhập chính của Nhân dân trên địa bàn xã chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, làm công nhân, buôn bán theo thời vụ, hỗ trợ từ các chế độ, chính sách của Nhà nước... Ngoài ra trên địa bàn xã có 5 công ty, doanh nghiệp lớn hoạt động trên địa bàn. Do ảnh hưởng của dịch Covid 19, giá cả vật tư, phân bón tăng cao trong khi giá sản phẩm nông nghiệp giảm. Một số mặt hàng nông nghiệp không tiêu thụ được do khâu vận chuyển gặp khó khăn như chè, hoa, buôn bán gia súc... Các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn doanh thu giảm sút. Một số công nhân đi làm ăn xa tại các tỉnh không có việc làm. Khách du lịch đến trên địa bàn giảm. Việc áp dụng giãn cách xã hội khiến các cơ sở kinh doanh nhà hàng trên địa bàn tạm ngừng hoạt động. Kết quả rà soát, đánh giá thu nhập bình quân đầu người của xã đến nay đạt từ 36 triệu đồng/người/năm trở lên.

2.9.2 Xã San Thàng

Qua đánh giá, thu nhập bình quân đầu người đến cuối năm 2021 là 43 triệu đồng/người/năm.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập: 2/2 xã.

2.10. Công trình nước sinh hoạt: Công trình nước sinh hoạt tiếp tục được quan tâm đầu tư. Duy trì 100% người dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

Tổ chức triển khai đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Hàng năm tổ chức triển khai kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất; đưa cây rau, hoa màu xuống ruộng nâng cao hiệu quả sử dụng đất; tăng cường đầu tư xây dựng, sửa chữa kết hợp quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi. Chỉ đạo, tuyên truyền, vận động Nhân dân đưa các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Triển khai trồng trên 346ha lúa thuần chất lượng; chăm sóc tốt 957,6ha chè, 160,4ha cây ăn quả, hình thành vùng trồng hoa chất lượng với quy mô 76,7ha; triển khai trồng 191,5ha cây Mắc ca trên nương chè; triển khai hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng. Chỉ đạo tổ chức các lớp tập huấn để hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc các loại cây trồng cho các hộ dân và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Hiện nay trên địa bàn thành phố có 24 HTX nông nghiệp đang duy trì hoạt động hiệu quả; 10 trang trại được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận trang trại, trong đó có 5 trang trại hoạt động hiệu quả.

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, giới thiệu về Chương trình mỗi xã một sản phẩm đến với Nhân dân, các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn để hiểu mục tiêu, cách thức triển khai cũng như lợi ích khi tham gia Chương trình. Tuyên truyền về cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước về phát triển các sản phẩm OCOP, đến nay đã có 32 sản phẩm OCOP của thành phố đã được UBND tỉnh công nhận.

Phát triển ngành nghề nông thôn: Vận động nhân dân thực hiện duy trì, phát huy các ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp như sản xuất bánh bồng, bánh khảo, bánh phở, thêu vải thổ cẩm... hiện nay thành phố có 01 làng nghề, 01 nghề truyền thống (nghề nấu rượu truyền thống ở bản Sùng Chô, xã Sùng Phài, làng nghề sản xuất các loại bánh dân tộc: bánh bồng, bánh khảo, bánh phở... tại bản San Thàng, xã San Thàng) gắn với du lịch sinh thái.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội (tiêu chí số 11)

4.1 Xã Sùng Phài

Triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung cùng với Tiêu chí số 10 trong đó hỗ trợ để các hộ nghèo được tham gia các mô hình, dự án. Tổ chức chi trả trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội thường xuyên đảm bảo kịp thời; cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số, người nghèo, trẻ em, bảo trợ xã hội. Chi trả tiền hỗ trợ COVID-19 cho hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã với tổng kinh phí là 622.500.000 đồng. Đề nghị UBND Thành phố hỗ trợ tết cho hộ nghèo trên địa bàn xã với tổng số tiền 123.500.000 đồng, đề nghị hỗ trợ gạo cứu đói dịp giáp hạt cho 171 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn với

tổng số 12.225kg gạo. Phối hợp cùng với Chi bộ giúp bản triển khai hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất theo Nghị quyết 10 của Thành ủy.

Tỷ lệ hộ nghèo của xã hiện nay là 105/987 hộ, chiếm 10,64%.

4.2 Xã San Thàng

Xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, thâm canh tăng vụ nâng cao thu nhập cho Nhân dân từ đó đã giúp nhiều hộ dân thoát nghèo. Công tác giảm nghèo được tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo qua các năm giảm. Đến nay xã còn 16 hộ nghèo chiếm 1,2%.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về hộ nghèo: 2/2 xã.

5. Lao động có việc làm(tiêu chí số 12)

5.1 Xã Sùng Phài

Nhân dân trên địa bàn xã đa số là có diện tích đất sản xuất, đảm bảo việc làm quanh năm, một số hộ dân thực hiện duy trì, phát huy các nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp như sản xuất nông nghiệp, nấu rượu, dệt thổ cẩm, mở rộng ngành nghề dịch vụ, tham gia lao động tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Đến nay tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi có khả năng lao động trên địa bàn xã là 2.798/2.869 lao động, đạt 97,53%.

5.2 Xã San Thàng

Thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đến nay đạt 69,8%; tỷ lệ lao động có việc làm đạt trên 95%. Vận động nhân dân thực hiện duy trì, phát huy các nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp như sản xuất bánh bồng, bánh khảo, bánh phở, thêu vải thổ cẩm... Hiện nay hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Lai Châu đã và đang hỗ trợ thành lập, duy trì câu lạc bộ sản xuất bánh truyền thống tại bản San Thàng 1, qua đó góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống của người dân. Đến nay tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động là 100%.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 và lao động có việc làm: 2/2 xã.

6. Tổ chức sản xuất(tiêu chí số 13)

6.1 Xã Sùng Phài

Hiện tại trên địa bàn xã có 05 HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có liên kết giữa các hộ dân với công ty chè Tam Đường để phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè.

6.2 Xã San Thàng

Đến nay trên địa bàn xã đã hình thành những khu vực sản xuất tập trung như: Vùng sản xuất rau xanh tập trung tại bản Sáo Xin Chải, Thành Công. Vùng trồng hoa, cây cảnh tại bản San Thàng và Bản Mới. Vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tại bản Lò Suối Tùng, bản Sáo Xin Chải và khu vực Bãi Đông.

Hiện nay trên địa bàn xã có 01 công ty, 02 doanh nghiệp và 04 hợp tác xã cùng 427 hộ kinh doanh cá thể. Các thành phần kinh tế phát triển đa dạng, tăng cả về quy mô, doanh thu và số lao động. Có liên kết giữa các hộ dân với công ty chè Tam Đường, doanh nghiệp Chè Shan để phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè tại địa phương.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất: 2/2 xã.

7. Công tác phát triển giáo dục nông thôn (tiêu chí số 14)

7.1 Xã Sùng Phài

Xã đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì phổ cập trung học cơ sở, tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn xã.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học là 19/27 học sinh đạt 70,37%.

Xã có 2.869 lao động, trong đó có 1.674 lao động qua đào tạo (đào tạo nghề nông thôn, sơ cấp, trung cấp, đại học), chiếm 58,3%.

7.2 Xã San Thành

Đã Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

Xóa mù chữ đạt mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, phổ cập trung học cơ sở đạt mức độ 2.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (Phổ thông, bổ túc cấp THPT, Trung cấp) đạt 91,67%.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 82,5%.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo: 2/2 xã.

8. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (tiêu chí số 15)

8.1 Xã Sùng Phài

Đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho Nhân dân; Làm tốt công tác tiêm chủng. Giữ vững xã chuẩn quốc gia về Y tế, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, triển khai công tác đăng ký vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, tích cực tham gia thực hiện phòng chống dịch bệnh covid-19; Thường xuyên phối hợp với công an xã, y tá các bản rà soát các trường hợp đi làm ăn xa trở về địa phương, để thực hiện việc cách ly y tế kịp thời. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 4290/4358 người, đạt 98,4%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi là 131/533 trẻ, đạt 24,58%

8.2 Xã San Thành

Thường xuyên tuyên truyền vận động để người dân tích cực tham gia mua BHYT tiến tới BHYT toàn dân. Tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số - KHHGD nhằm giảm tỷ lệ sinh con thứ 3; giảm tỷ lệ

tăng dân số tự nhiên; thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, nâng cao tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh...

Bảo hiểm y tế được cấp cho người dân đúng, đủ, kịp thời và đã phát huy hiệu quả trong việc giúp người bệnh được khám chữa bệnh và điều trị tiết kiệm chi phí. Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được nâng lên rõ rệt, trên 85,96% người dân có bảo hiểm y tế. 100% các hộ nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT khám chữa bệnh miễn phí. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm xuống còn 11,79%. Các chương trình mục tiêu y tế Quốc gia được chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. 96% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng 8 loại vắc xin phòng bệnh. Công tác phòng chống dịch bệnh, VSATTP luôn được chú trọng, thực hiện có hiệu quả, trong những năm qua trên địa bàn không có dịch bệnh lớn xảy ra.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 15 về y tế: 2/2 xã.

9. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn (tiêu chí số 16)

9.1 Xã Sùng Phài

Tính đến nay xã có 13/13 bản được công nhận bản văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL, đạt 100%.

9.2 Xã San Thàng

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa luôn được chú trọng, hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục phát triển; các hoạt động văn hóa được duy trì thường xuyên, bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn, duy trì và phát huy góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, hàng năm lễ hội Tù tử dân tộc Giáy được duy trì và triển khai thực thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Hàng năm có trên 90% hộ gia đình, phong trào thể dục, thể thao phát triển rộng khắp và được duy trì thường xuyên, hiện trên địa bàn có 11 câu lạc bộ TDTT, số người luyện tập TDTT thường xuyên đạt 47,6% dân số.

Tính đến nay xã có 8/9 bản được công nhận bản văn hoá theo quy định của Bộ VH-TT-DL, chiếm 88.8%.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 16 về văn hóa: 2/2 xã.

10. Vệ sinh môi trường, xử lý, khắc phục và cải thiện môi trường nông thôn (tiêu chí số 17)

10.1 Xã Sùng Phài

Hiện xã có 987/987 hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 100%, 644/987 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia, đạt 65,2%, theo quy định.

Năm 2021 đã thành lập 12 tổ vệ sinh môi trường tại các bản, 13/13 bản có thùng rác và lò đốt rác, xã thường xuyên phát động và các bản tổng vệ sinh mỗi tháng ít nhất hai lần. Tuy nhiên, các bản trên cao do địa hình đồi núi dốc, dân cư không tập trung nên quá trình vệ sinh bản còn gặp nhiều khó khăn. Đa số các hộ dân vẫn còn tình trạng thả rông gia súc nên việc cải tạo cảnh quan và trồng hoa, cây xanh còn gặp nhiều khó khăn nên môi trường chưa đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

Trên địa bàn xã có 01 nghĩa trang (nghĩa địa) đã được xây dựng và quản lý theo quy hoạch. Tuy nhiên việc mai táng của Nhân dân còn theo phong tục tập quán, chưa chôn cất theo đúng quy hoạch.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đã có cam kết bảo vệ môi trường, cơ bản các hộ đã thực hiện thu gom rác thải, chất thải, nước thải được và xử lý theo quy định, đa số các tuyến chính trong khu dân cư đều được xây dựng rãnh thoát nước thải khu dân cư, năm 2020 trên địa bàn bản Cư Nhà La, Sin Chải, Tả Chải được đầu tư hệ thống rãnh thoát nước với tổng chiều dài trên 500m. Có 32/32 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

Hiện nay trên địa bàn xã có 696/987 hộ có nhà tiêu, nhà tắm đảm bảo hợp vệ sinh, cơ bản đảm bảo 3 sạch theo quy định chiếm 70,52%; Xã đã tuyên truyền, vận động Nhân dân áp dụng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của Tỉnh, tiến hành xây dựng mới chuồng trại, loại bỏ tập quán nuôi thả rông sang chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đến nay có 582/814 hộ chăn nuôi đã có chuồng trại chiếm 71,5%.

10.2 Xã San Thàng

Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100% và nước sạch theo quy định đạt 93,04%.

Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

Môi trường cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Xã có nghĩa trang được xây dựng và quy hoạch.

Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Hiện 9/9 bản có tổ thu gom phân loại rác thải theo quy định.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1070hộ/1308 hộ đạt 81,8%, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch 1070 hộ/1308 hộ đạt 81,8%.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường có 936/1308hộ đạt71,5%.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%..

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm: 2/2 xã.

11. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; đảm bảo và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân(tiêu chí số 18)

11.1 Xã Sùng Phài

Công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ đổi mới được quan tâm thực hiện, đến nay xã có 23/23 cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định chiếm 100%, xã có đầy đủ tổ chức trong hệ thống chính trị từ xã đến bản theo quy định.

Hàng năm Đảng bộ, chính quyền xã được đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; Các đoàn thể chính trị - xã hội của xã hàng năm đều được các tổ chức đoàn thể thành phố công nhận “hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Năm 2020 xã được xếp loại xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và dự kiến năm 2021 xã vẫn tiếp tục duy trì xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật.

Xã đảm bảo tiêu chí bình đẳng giới: Có 01 nữ lãnh đạo giữ chức vụ chủ tịch UBND xã; công tác bình đẳng giới được xã quan tâm tuyên truyền tại các hội nghị họp bản, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh không dây; phụ nữ khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo được vay vốn từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp cưỡng ép kết hôn.

11.2 Xã San Thàng

Đảng ủy xã luôn chú trọng công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ đổi mới; đến nay xã có 21/21 (100%) cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại QĐ số 17/2014/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND tỉnh Lai Châu; về trình độ chuyên môn đại học 18 đ/c, Trung cấp 01 đ/c, trung cấp lý luận chính trị 16 đ/c cao cấp lý luận 02 đ/c, QLNN 19 đ/c; xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; hàng năm Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên theo quy định của Ban tổ chức TW tại Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11/10/2011; hàng năm chính quyền xã đều được UBND thành phố công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”; Các đoàn thể chính trị - xã hội của xã hàng năm đều được các tổ chức đoàn thể thành phố công nhận “hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: 2/2 xã.

12. Giữ vững quốc phòng an ninh, trật tự xã hội nông thôn(tiêu chí số 19)

12.1 Xã Sùng Phài

Duy trì đảm bảo thường xuyên trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, triển khai làm nhiệm vụ bảo vệ, canh gác trước, trong, sau các ngày lễ, tết; quản lý tốt vũ khí, quân trang theo quy định; củng cố lực lượng dân quân, quản lý lực lượng dự bị động viên; công tác tuyển quân năm 2021 là 8/8 công dân đạt 100% kế hoạch giao.

Đến nay trên địa bàn xã không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, khiếu kiện đông người kéo dài; trong những năm qua các bản ổn định, không còn hộ du cư, di cư tự do ra khỏi địa bàn; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; có 13/13 bản, chiếm 100% số bản được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; hàng năm Công an xã đều được công nhận danh hiệu đơn vị tiên tiến.

12.2 Xã San Thành

Đẩy mạnh phong trào “**Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa**” gắn với việc xây dựng nông thôn mới, nhằm giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương xã hội, sống và làm việc theo pháp luật. Đến nay trên địa bàn xã không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, khiếu kiện đông người kéo dài; trong những năm qua các bản ổn định, không còn hộ du cư, di cư tự do ra khỏi địa bàn; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội; hiện nay có 9/9 bản, chiếm 100% số bản được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; hàng năm Công an xã đều được công nhận danh hiệu đơn vị tiên tiến.

- Số xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 và quốc phòng & an ninh: 2/2 xã.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

III. Kết quả huy động nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020:

- Vốn ngân sách Nhà nước:
 - + Ngân sách Trung ương: 17.545 triệu đồng.
 - + Ngân sách địa phương: 67.558 triệu đồng.
 - + Vốn lồng ghép: 172.134 triệu đồng.
- Vốn do cộng đồng dân cư đóng góp: 10.343 triệu đồng.

IV. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được

Việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh; sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cùng với sự đồng thuận, cố gắng của toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền, vận động đã triển khai rộng khắp tới mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn; nội dung tuyên truyền phong phú góp phần nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhận thức của người dân về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Đã huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến xã, bản vào cuộc nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức và các đoàn thể chính trị của xã, bản; bố trí lồng ghép các nguồn vốn, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo lộ trình đặt ra. Bộ mặt nông thôn được đổi mới, cơ sở hạ tầng được đầu tư đến từng thôn bản, thuận lợi cho đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân, thiết chế văn hóa được củng cố, bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc được bảo tồn, duy trì và phát triển; bước đầu hình thành một số mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao, góp phần tăng giá trị thu nhập bình quân/01 đơn vị diện tích đất canh tác đến nay đạt 98,2 triệu đồng, vùng chuyên canh đạt 222 triệu đồng/ha/năm. Đã hình thành được vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung có giá trị kinh tế cao như vùng rau, vùng hoa, vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, vùng chè chất lượng cao. Đã duy trì, phát triển nghề truyền thống làm các loại bánh dân tộc qua đó tạo việc làm, tăng thu nhập cải thiện cuộc sống cho người dân.

2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Công tác tuyên truyền mặc dù đã được quan tâm thực hiện xong vẫn còn nhiều hạn chế, vẫn còn một bộ phận nhỏ người dân thiếu tích cực, ỷ lại trông chờ vào hỗ trợ của Nhà nước nên việc huy động nguồn lực trong nhân dân tuy đã được thực hiện nhưng còn nhiều hạn chế.

Một số tiêu chí tỷ lệ đạt còn thấp như tiêu chí giao thông của xã Sùng Phài, số km đường giao thông nội đồng được cứng hóa thấp, đường trục bản, đường nội bản đã được đầu tư lâu nên xuống cấp, nhiều tuyến đường trước đây đầu tư nhỏ chưa phù hợp với sự phát triển của đô thị hiện nay. Tiêu chí môi trường chưa theo kịp với sự phát triển.

Thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM từ năm 2018, tuy nhiên năm 2020 do sát nhập xã Sùng Phài huyện Tam Đường vào xã Nậm Loong để thành lập xã Sùng Phài (mới). Do đó hiện nay thành phố còn 01 xã (Sùng Phài) chưa được công nhận đạt chuẩn NTM.

Đời sống của một bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các bà con của xã Sùng Phài; nguồn lực của thành phố còn hạn hẹp nên chưa có kinh phí cho việc nâng cao chất lượng các tiêu chí.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Quan điểm, mục tiêu

1. Quan điểm

1.1. Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và liên tục, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, từng bước đi vào chiều sâu, thực chất, bền vững. Việc triển khai thực hiện Chương trình phải đồng bộ, toàn diện ở tất cả các xã, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên tập trung cho các xã đạt chuẩn được công nhận, các tiêu chí còn đạt thấp, chưa bền vững.

1.2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; bảo đảm phát triển hài hòa kinh tế - xã hội và môi trường; nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ nông thôn, nhất là hệ thống hạ tầng cơ sở thiết yếu của cấp xã và bản. Đồng thời chú trọng công tác bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc.

1.3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, vai trò làm chủ của người dân theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tính chủ động sáng tạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, huy động sự tự giác tham gia tích cực của Nhân dân để tạo thành sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Duy trì và giữ vững các tiêu chí đã đạt trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, quan tâm nâng cao các tiêu chí đạt thấp, thiếu bền vững; tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông thôn với đô thị; thực hiện chuyển dịch cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; khai thác tiềm năng, chú trọng khôi phục, bảo tồn các nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch văn hóa, sinh thái, cộng đồng; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Trong giai đoạn 2021-2025 tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí tại xã San Thành, phấn đấu xã Sùng phải đạt chuẩn NTM (theo tiêu chí mới).

Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng/người/năm, trên 90% số hộ trên địa bàn 2 xã được sử dụng nước sạch; tỷ lệ hộ nghèo hai xã giảm còn dưới 8%, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 65%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống 10%, có 100% hộ gia đình, đơn vị, trường học, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%; 100% các bản trên địa bàn 2 xã được thu gom, xử lý rác thải đúng quy định.

3. Phạm vi: Các xã trên địa bàn toàn thành phố

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2025

II. Nội dung, nhiệm vụ

1. Quy hoạch

Rà soát điều chỉnh quy hoạch chung của từng xã gắn quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của thành phố giải đoạn 2020- 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

Quan tâm bố trí nguồn lực từ các nguồn vốn khác nhau để lồng ghép, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, các công trình phúc lợi công cộng ở các bản gắn với phát triển sản xuất, đời sống hàng ngày của người dân và theo lợi thế, nhu cầu thiết thực của cộng đồng. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai các nội dung không phụ thuộc nhiều vào kinh phí như: Phát triển sản xuất, cải tạo vườn tạp, cải tạo nhà ở, các công trình vệ sinh gia đình...

3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyên đổi cơ cấu sản xuất, phát triển kinh tế, phát triển sản xuất nhằm nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn; Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm; mỗi bản, cụm bản xây dựng ít nhất một mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, hướng vào cây trồng, vật nuôi phù hợp, nghề lợi thế của từng bản, xã và gắn với thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển sản xuất tăng vụ, trồng cây vụ đông; duy trì phát triển diện tích cây chè hiện có trên hai xã theo hướng thâm canh tăng năng suất; khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung gắn với an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; phát triển mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản theo định hướng quy hoạch và lợi thế từng xã. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất theo mô hình HTX, kinh tế trang trại tập trung; tăng cường mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp, nông dân và nhà khoa học tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, quy hoạch các vùng sản xuất tập trung, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực trên địa bàn. phấn đấu thu nhập bình quân của người dân 2 xã đến năm 2025 đạt 45 triệu đồng/năm.

4. Giảm nghèo, an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn về chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; Bảo trợ xã hội; công tác trẻ em, bình đẳng giới; đào tạo nghề, việc làm, vay vốn; công tác giảm nghèo; phòng chống tệ nạn xã hội và các chế độ chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

Theo dõi, quản lý và thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo theo quy định.

Đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin, tư vấn, chiêu sinh học nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động năm.

Tiếp tục tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, vay vốn giải quyết việc làm trên địa bàn đảm bảo kế hoạch giao.

5. Phát triển giáo dục, y tế

Củng cố và nâng cao năng lực của mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng việc triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân; Phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục cả về quy mô và chất lượng, huy động trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học khu vực nông thôn đến trường đạt 100%;

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng; đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế, phấn đấu số người dân tham gia bảo hiểm đạt trên 90%.

6. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; bổ sung các quy ước về nếp sống văn hóa cho phù hợp với yêu cầu về nông thôn mới; thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối với các xã có hiệu quả. Quan tâm đầu tư nhà văn hóa cho các bản theo hướng đồng bộ, duy trì và phát huy các hoạt động văn hóa văn nghệ mang bản sắc truyền thống địa phương; đẩy mạnh phát triển các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc; phát triển du lịch cộng đồng.

7. Bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn

Tập trung tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn; Tiếp tục đầu tư hỗ trợ và vận động Nhân dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo theo quy định. Đầu tư hệ thống công trình nước sạch và nước hợp vệ sinh kết nối đến các xã, đảm bảo duy trì 100 người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có trên 90% được dùng nước sạch.

8. *Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân*

Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho Nhân dân khu vực nông thôn bằng nhiều hình thức, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận với pháp luật. Duy trì 2 xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật theo quy định.

9. *Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới*

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của BCH Đảng bộ thành phố về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, hàng năm cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ xã. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, từng bước xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh: Rà soát và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, chính trị đảm bảo 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo vị trí việc làm; 100% Đảng bộ, chính quyền các xã đạt “trong sạch, vững mạnh”; Tổ chức chính trị - xã hội các xã đạt loại khá trở lên.

10. *Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn*

Đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn. Những vướng mắc phát sinh được giải quyết ngay từ cơ sở thông qua hòa giải, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp ở 100% số xã. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng.

III. Các giải pháp thực hiện chủ yếu

1. *Giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động*

Thành viên Ban Chỉ đạo cấp thành phố, cấp xã tích cực học tập quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, quy định hiện hành về xây dựng nông thôn mới để lãnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân nhằm phát huy cao vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới.

2. *Giải pháp về công tác chỉ đạo điều hành:* Tiếp tục đề cao trách nhiệm, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về xây dựng nông thôn mới; phải coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên. Phải khẳng định vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Quyết tâm giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

Thường xuyên kiện toàn BCD các Chương trình MTQG thành phố, đồng thời chỉ đạo các xã khi có sự thay đổi nhân sự khẩn trương thành lập và kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2021- 2025, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên đảm bảo sát với

chức năng nhiệm vụ.

3. Giải pháp về huy động nguồn lực: Ưu tiên các nguồn vốn từ Chương trình MTQG nông thôn mới, các chương trình MTQG giảm nghèo, nguồn tăng thu ngân sách tỉnh, thành phố, nguồn thu sử dụng đất và các nguồn vốn khác để đầu tư hoàn thiện hạ tầng kinh tế xã hội cho các xã, trong đó ưu tiên cho các tiêu chí hiện đạt thấp, chưa bền vững. Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư đúng mục đích, bảo đảm công khai, minh bạch, có sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt việc quản lý công trình sau đầu tư đảm bảo hiệu quả của chương trình, dự án.

4. Giải pháp về phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa nhằm tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích, huy động các nguồn lực phát triển sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, lựa chọn và áp dụng các quy trình khoa học hiệu quả.

Phát triển du lịch nông thôn, tập trung xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch, du lịch cộng đồng homestay, farmstay; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo cảnh quan môi trường; hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm đặc sản tại địa phương; hỗ trợ người dân vay vốn kinh doanh du lịch như xây dựng homestay, xây dựng nhà hàng, cơ sở bán hàng phục vụ khách du lịch...

5. Giải pháp về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

IV. Nguồn lực thực hiện

Tổng nhu cầu vốn cần huy động là 61.630 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh 59.062 triệu đồng.
- Vốn nhân dân đóng góp 2.568 triệu đồng.

Trên đây là Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2021; Đề xuất xây dựng Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 của UBND thành phố Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- TT Thành ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND thành phố (b/c);
- Thành viên BCD thực hiện các CT MTQG thành phố;
- UBND 2 xã: Sùng Phài, San Thàng;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Hữu Cam